

Bản án số: 224/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2021.

V/v tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tuấn

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tuấn Thảo Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 05 năm 2021 và ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1970 (có mặt).

Thường trú: 214 đường Đ, Phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 5/21 Đường 42, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn L1, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: IRIS4 Tầng 6, Phòng 6-4-12A, chung cư H, Số 200 Đường I, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà Trương Hoàng V, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Sài Gòn – Hoàng V thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng và tranh luận tại phiên tòa, các đương sự thống nhất nội dung như sau:

Ông Nguyễn L1 và bà Huỳnh Thị L kết hôn và có con chung là Nguyễn Phúc Hồng S sinh ngày 19/02/2012. Năm 2019, ông bà thuận tình ly hôn và giao con chung cho ông L1 trực tiếp nuôi con chung theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1195/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn khởi kiện ngày 18/2/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Sau khi ly hôn, con chung được ông L1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông L1 đưa con sang Canada học tập khoảng 01 tháng thì trở về Việt Nam. Khi bé S trở về, bà không biết và không được ông L1 thông báo. Bà biết bé S đang ở Việt Nam, bà đã liên hệ nhiều lần nhưng đều bị ông L1 ngăn cản không cho gặp con. Thông qua bạn bè, bà gặp lại và phát hiện sự bất ổn về tâm lý của con như hoảng loạn tinh thần, sợ hãi khi nhắc đến và quay trở lại ở với ba. Qua lời kể của bé S, bà biết được hiện nay ông L1 đang chung sống với người phụ nữ khác; Quá trình ở với ông L1, bé S học trực tuyến với trường ở Canada, nhưng do khác múi giờ nên bé phải tự học một mình từ khuya tới gần sáng. Ngoài ra, bé còn kể rằng bé bị ba đe dọa nếu gặp mẹ sẽ không được đi Canada học tập nữa. Do vậy, thực tế cuộc sống của bé khi ở chung với ông L1 có những áp lực dẫn đến tinh thần, tâm lý của bé không ổn định, bé đang được điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Nhi đồng 2. Bà đã cho bé S đi học, bé từng bước hòa nhập với môi trường cũng như việc học tập.

Hiện nay, bà có nghề nghiệp, công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định nên bà hoàn toàn có khả năng nuôi dưỡng bé S. Bà yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu thay đổi quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phúc Hồng S và yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con 50.000.000 đồng/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông L1 trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con ông không đồng ý. Trong thời gian ở cùng ông, bạn gái ông và anh trai của bé S thì bé có biểu hiện tâm lý rất tốt, cuộc sống bình thường. Từ khi bé S qua ở với mẹ thì có những biểu hiện tâm lý bất thường như bà L trình bày. Ngoài ra, việc học tại Canada vẫn đang dang dở, ông cố gắng gặp mặt và nói chuyện với bé S nhưng không được, ông có gửi đường link cho bé học nhưng bà L không mở và cũng không cho học. Như vậy chứng tỏ bà L không coi trọng học tập, tương lai của bé. Dạy con những điều không đúng sự thật. Vì vậy, ông không chấp nhận giao con cho bà L nuôi dưỡng. Vì mục đích cá nhân nên bà L giành quyền nuôi con và yêu cầu ông phải cấp dưỡng 50.000.000 đồng/tháng là vô lý, không có căn cứ. Hiện nay, ông có chỗ ở, thu nhập ổn định nên ông yêu cầu được nuôi dưỡng bé S và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ S và tự thỏa thuận với ông L1 về cấp dưỡng nuôi con, trường hợp ông L1 không cấp dưỡng thì bà vẫn có đủ khả năng nuôi con.

Bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về cấp dưỡng nuôi con ông sẽ tự thỏa thuận nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1:

Qua các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp, do Tòa án thu thập được đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L thay đổi người trực tiếp nuôi con vì trong thời gian gần đây với bà L, trẻ S không được bà L đảm bảo an toàn như để trẻ ở nhà một mình khóa trái cửa; Khi Bệnh viện hẹn tái khám bà L không đưa trẻ đi tái khám như vậy cho thấy bà L hiểu rằng trẻ không có bệnh hoặc bà L không quan tâm tới bệnh tình của con. Ngoài ra, bà L biết rõ con đang học tập đang dở tại trường ở Canada nhưng không cho học theo yêu cầu của nhà trường. Như vậy, việc giao trẻ S cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng không đảm bảo tương lai và quyền lợi cho trẻ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét về điều kiện kinh tế, bà Huỳnh Thị L chứng minh được bà có công việc và thu nhập cao, ổn định; phía ông Nguyễn L1 chỉ có lời khai tại phiên tòa về nguồn thu nhập từ các hợp đồng thương mại nhưng ông không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Xét về điều kiện sinh hoạt, học tập, môi trường sống, lứa tuổi và giới tính của trẻ Nguyễn Phúc Hồng S hoàn toàn phù hợp khi sống chung với mẹ, và cũng phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của trẻ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Nguyễn L1 cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại

khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào giấy khai sinh số 157/2012, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/4/2012, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định trẻ Nguyễn Phúc Hồng S sinh ngày 19/02/2012 là con chung của ông Nguyễn L1 và bà Huỳnh Thị L.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Cả cha và mẹ trẻ S đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Yêu cầu trực tiếp nuôi con là yêu cầu chính đáng của những người làm cha, làm mẹ. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải được xem tới quyền lợi về mọi mặt và tương lai phát triển của trẻ.

[2.1] Xét, về điều kiện vật chất của bà L và ông L1 đều có chỗ ở ổn định. Căn cứ theo Giấy chứng nhận số 71/GCN-BVRHM ngày 25/02/2021 của Bệnh viện Răng Hàm Mặt thì bà Huỳnh Thị L hiện là bác sĩ Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn của bệnh viện Răng Hàm Mặt Thành phố Hồ Chí Minh, có mức thu nhập hàng tháng bình quân là 50.500.000 đồng. Tại Tòa ông L1 trình bày trước đây ông là bác sĩ, hiện ông đã làm thủ tục sang Canada định cư, thu nhập của ông từ các hợp đồng thương mại là 100.000.000 đồng/tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy ông L1 và bà L đều là người có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định đều đảm bảo đủ điều kiện tốt về vật chất để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

[2.2] Xét, lời trình bày của bà L khi ly hôn bà tự nguyện giao con chung là trẻ S cho ông L1 trực tiếp nuôi dưỡng với mong muốn trẻ S được học tập, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, được sống, học tập trong môi trường nước ngoài. Tuy nhiên, quá trình giao con cho ông L1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông L1 có hành vi cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng thậm chí đe dọa trẻ S nếu gặp mẹ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy khi giao con cho ông L1 nuôi dưỡng, bà L đã đồng ý ký giấy cho phép ông L1 được đưa trẻ S qua nước ngoài để học tập, tiếp cận với nền giáo dục quốc tế. Tuy nhiên, khi trở về Việt Nam, trẻ S không được gặp mẹ, mặc dù ông L1 trình bày ông không ngăn cản trẻ S gặp bà L nhưng ông lại thừa nhận hai người không liên lạc, không nói chuyện mà thông qua người bạn thân thiết của gia đình nếu trẻ S gặp bà L. Được gặp lại mẹ, trẻ S mong muốn ông L1 cho phép kéo dài thời gian ở với mẹ và không muốn trở về sống chung với ba nữa.

Ngoài ra, quá trình trẻ S ở với ông L1, trẻ S chia sẻ trẻ đang theo học trường tại Canada nhưng do dịch bệnh nên trẻ trở về Việt Nam và phải học trực tuyến, thời gian học giữa hai nước bị lệch múi giờ, buổi học diễn ra từ khuya cho tới gần sáng (0 giờ đến 04 giờ sáng), trẻ phải tự học một mình không có ai bên cạnh. Xét thấy, việc học của trẻ S như vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, tinh thần của trẻ trong giai đoạn trẻ đang phát triển về thể chất và tâm sinh lý. Đối với trẻ đang trong độ tuổi phát triển cần sắp xếp hợp lý giữa thời gian học tập, nghỉ ngơi và giải trí phù

hợp với lứa tuổi của trẻ. Trẻ cần có sinh hoạt cùng với các bạn đồng trang lứa, được sinh hoạt cộng đồng, được giao lưu học hỏi thầy cô và các bạn khi tham gia học tập tại trường thì việc trẻ S học trực tuyến trong thời gian dài cũng ảnh hưởng tới tâm lý của trẻ. Do vậy, việc sinh hoạt học tập chưa thực sự phù hợp với trẻ S.

[2.3] Xét lời trình bày của ông L1, thời gian sống chung cùng ông, bạn gái ông và anh trai trẻ S, trẻ S có biểu hiện tâm lý rất tốt, cuộc sống bình thường luôn yêu thương ba, anh hai và bạn gái của ông. Ông còn cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện trẻ S trong thời gian sống cùng ông luôn có những hình vẽ sinh động về cuộc sống, chơi chung cùng gia đình, tự làm quà sinh nhật cho ông. Xét thấy, việc ông L1 đang chung sống với người phụ nữ khác là hoàn toàn hợp pháp và không trái với đạo đức xã hội. Trong thời gian trẻ S sống cùng ông, không phủ nhận ông là người cha biết quan tâm, chăm sóc cho con nhưng ông lại chưa thực sự lắng nghe và hiểu hết tâm tư, nguyện vọng những nhu cầu sinh hoạt trong đời sống thường ngày của trẻ. Hơn nữa, sự xuất hiện người phụ nữ khác bên cạnh ông đã làm cho trẻ S có những nghi hoặc về tình cảm cha dành cho con, những cử chỉ, hành động của ông đối với bạn gái dù là nhỏ nhưng nhiều lần như vậy sẽ khiến trẻ có những suy nghĩ, hành động hoặc lời nói tiêu cực, cụ thể như trẻ S luôn nghĩ ba yêu thương người ngoài hơn trẻ, bắt nạt, nói dối hay lừa gạt trẻ (bút lục số 27). Như vậy, thấy rằng trẻ S cảm thấy không thoải mái với hoàn cảnh sống, điều kiện sinh hoạt chung một nhà với ông L1 và bạn gái của ông. Thời điểm này, khi tiếp xúc trực tiếp với trẻ S và thông qua clip bà L cung cấp, trẻ S không muốn tiếp tục học tập và định cư cùng ông L1 ở Canada, trẻ muốn được ở cùng mẹ và học tập tại Việt Nam.

[2.4] Xét, lời trình bày của bà L về hiện tượng trẻ S la hét, hoảng loạn khi ngủ, lo lắng cực độ đang phải điều trị bằng thuốc và tâm lý. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của bà L phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập theo Công văn số 650/NĐ2-KHTH ngày 07/5/2021 của Bệnh viện Nhi đồng 2 thể hiện trẻ S đã và đang được điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Nhi đồng 2 cụ thể là ngày 19/02/2021 và ngày 24/02/2021, bước đầu được chẩn đoán cơn hoảng loạn/theo dõi rối loạn cảm xúc hành vi và được điều trị bằng phương pháp thuốc dùng trong điều trị rối loạn do hoảng sợ, phối hợp tham vấn và trị liệu tâm lý với chuyên viên tâm lý.

[2.5] Xét, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1 cho rằng, những câu nói vô tình về ông L1 của bà L đã làm sức ép, gây áp lực cho trẻ S. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bà L trình bày câu nói về ông L1 được bà L nói khi cả hai xảy ra mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vì vậy không thể chỉ vì một câu nói mà gây áp lực, sức ép ảnh hưởng tới tâm lý hoảng loạn dẫn tới trẻ S kiên quyết không gặp, không về chung sống với ông L1.

Đối với việc Bệnh viện hẹn tái khám, bà L trình bày do trẻ S được điều trị đã giảm được cơn hoảng loạn và tỉnh giấc giữa đêm, ngày 03/3/2021 tái khám trẻ S

đến trường nên bà không đưa đến tái khám. Như vậy, trẻ S mới nhập học để theo kịp cùng các bạn trong lớp, tình trạng bệnh đã giảm và bà L cũng đã gọi điện nhờ sự tư vấn của bác sỹ thì không thể cho rằng bà L không quan tâm tới bệnh của con. Để xác định trẻ S thực sự có bệnh hay không, cần được tiếp tục theo dõi của người có chuyên môn và đặc biệt trẻ cần nhất vẫn là tình yêu thương, sự quan tâm, chia sẻ, quan sát, thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của trẻ từ cha mẹ và người thân; tránh căng thẳng, áp lực cho trẻ.

Đối với quan điểm của Luật sư về việc học của trẻ S hiện nay đang học trực tuyến với trường tại Canada tuy có ảnh hưởng tới sức khỏe nhưng việc học đang dang dở, ảnh hưởng tới sự phát triển, tương lai cho trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy nền giáo dục tại Canada tốt cho trẻ nhưng không thể nói rằng những đứa trẻ khác lớn lên từ nền giáo dục Việt Nam đều không tốt. Vì vậy, ngoài sự giáo dục của gia đình, xã hội thì bản thân trẻ cũng cần có sức khỏe, tinh thần, sự phấn đấu trong học tập mới thực sự có tương lai.

Luật sư cho rằng, bà L thường khóa cửa đi ra ngoài và để trẻ S ở nhà một mình, tại Tòa bà L trình bày nhà bà và nhà chị gái ở cạnh nên bà được sự giúp đỡ của chị gái trong việc trông nom, chăm sóc trẻ S, chỉ khi đi ra chợ với thời gian khoảng 5-10 phút bà mới khóa cửa để bé S ở nhà một mình. Xét thấy, trẻ S cũng đã 9 tuổi, trẻ cũng có đủ kiến thức để bảo vệ mình trong thời gian ngắn đó. Do vậy, không thể nói rằng chỉ với thời gian ngắn khi bà L khóa cửa để trẻ S ở nhà một mình là không đủ điều kiện, không đảm bảo về việc chăm sóc con của bà L.

Như vậy, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L1 đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn không đảm bảo tương lai, không đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho trẻ là không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Xét, yêu cầu của ông L1 yêu cầu phải có mặt trẻ S tại Tòa mới thể hiện được sự khách quan, xét thấy việc lấy ý kiến của trẻ S đã được Tòa án thực hiện trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Do vậy, tại phiên tòa trẻ S không đồng ý có mặt nên cần tôn trọng ý kiến của trẻ. Mặt khác, tránh trường hợp trẻ phải chứng kiến cảnh cha, mẹ tranh cãi tại Tòa có thể ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của của trẻ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 18/5/2021, trẻ S được bà L đưa đến Tòa để trình bày nguyện vọng trước Hội đồng xét xử, xét thấy tại Tòa trẻ đã thể hiện rõ nguyện vọng trước sự chứng kiến của ông L1, bà L và những người tiến hành tố tụng.

[2.7] Xét, trẻ S còn nhỏ, nhận thức chưa được phát triển toàn diện nhưng trẻ thể hiện rõ rằng trẻ muốn sống với mẹ. Với điều kiện hoàn cảnh như hiện nay để ổn định về tâm sinh lý và phát triển về thể chất, tinh thần cho trẻ rất cần sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương và giáo dục của cha, mẹ và người thân. Vì vậy, bà L và ông L1 cần sắp xếp thời gian hợp lý, ứng xử khéo léo phù hợp, tránh sự căng thẳng giữa

đôi bên để cùng nhau chăm sóc và nuôi dạy con chung với điều kiện tốt nhất, tránh làm ảnh hưởng tới sự phát triển của con.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi của trẻ được ổn định về tâm sinh lý, tình cảm, môi trường sống và về kiến thức nữ giới trong độ tuổi dậy thì việc giao trẻ S cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của trẻ đồng thời cũng phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, 3 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.8] Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, khi giao con lại cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng thì ông L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, bà L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với mức cấp dưỡng và đồng ý tự thỏa thuận với ông L1 về việc cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, ông L1 không cấp dưỡng thì bà vẫn có khả năng tự nuôi con. Do vậy, đôi bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc tự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ vào Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Giao con chung là trẻ Nguyễn Phúc Hồng S, sinh ngày 19/02/2012 cho bà Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông L1 chịu.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0049998 ngày 18/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan